

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/DS-ST

Ngày: 26-10-2021

V/v “Tranh chấp về
hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Diệp**

2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2021/QĐXXST-DS ngày 16/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 213/2021/QĐST-DS ngày 10/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 258/2021/QĐST-DS ngày 28/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1966.

Chủ hộ kinh doanh TK.

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 2, xã T, huyện CL, Đồng Tháp.

Đại diện hợp pháp của bà Đ là ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: đường Nguyễn Trãi, khóm MT, thị trấn T, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2021)

Bị đơn: Bà **Nguyễn Kim T1**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 2, xã T, huyện CL, Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Võ Văn T2**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 5, Ấp 4, xã T, huyện CL, Đồng Tháp.

Tạm trú: Tổ 1, Ấp 2, xã T, huyện CL, Đồng Tháp.

(Ông T, bà T1 có mặt, ông T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Tấn T đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Đ trình bày:

Năm 2015, bà T1 có mua thức ăn thủy sản và thuốc thú y thủy sản của Hộ kinh doanh TK do bà Trần Thị Đ làm chủ hộ kinh doanh. Thỏa thuận mua bán hàng bằng hình thức ghi nợ giao dịch trong 01 vụ nuôi, khi bà T1 thu hoạch thì phải thanh toán các khoản nợ.

Tính đến ngày 02/4/2015, bà T1 đã mua thức ăn thủy sản và thuốc thú y còn nợ bà Đ số tiền 64.295.000 đồng.

Bà Trần Thị Đ – chủ hộ kinh doanh TK khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kim T1 và ông Võ Văn T2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đ số tiền 64.295.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bà Nguyễn Kim T1 là bị đơn trình bày:

Thông nhất với yêu cầu của nguyên đơn, bà T1 có mua thức ăn thủy sản và thuốc thú y của bà Trần Thị Đ chủ hộ kinh doanh TK từ năm 2015. Đến tháng 4 năm 2015 bà T1 còn nợ bà Đ số tiền 64.295.000 đồng. Bà Nguyễn Kim T1 đồng ý cùng ông Võ Văn T2 trả số tiền 64.295.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo yêu cầu của bà Đ.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo kết quả phiên họp cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- 01 Hóa đơn ngày 02/4/2015, người bán Cửa hàng thuốc thú y và thức ăn thủy sản TK, tên người mua hàng T2, có chữ ký ghi họ tên người nhận hàng Nguyễn Kim T1 (Bản chính);

- 01 Giấy nhận nợ đề ngày 22/1/2016, có chữ ký, ghi họ tên Nguyễn Kim T1, Trần Thị Đ được viết tay trên giấy tập học sinh (Bản photo);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ Kinh doanh TK, giấy đăng ký thay đổi lần thứ II, ngày 20/7/2016 (Bản sao y);

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ – Chủ hộ kinh doanh TK về việc yêu cầu bà Nguyễn Kim T1 và ông Võ Văn T2 có nghĩa vụ trả số tiền mua bán còn nợ là 64.295.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại Ấp 2, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy: Giao dịch mua bán giữa bà Đ với bà T1 được xác lập năm 2015 Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà T1 thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền 64.295.000 đồng, đồng thời những người có quyền không yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về tố tụng, xét thấy: Tại phiên tòa ngày 28/9/2021 và ngày 26/10/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu gì khác trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Kim T1 và ông Võ Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán còn nợ là 64.295.000 đồng là có căn cứ, bởi lẽ:

Giữa bà Đ và bà T1 có giao dịch mua bán thức ăn thủy sản và thuốc thú y từ năm 2015, đến tháng 4 năm 2015 thì bà T1 còn nợ bà Đ số tiền 64.295.000 đồng. Đến ngày 02/4/2015 thì bà T1 có xác nhận còn nợ bà Đ số tiền 64.295.000 đồng. Đồng thời, tại phiên tòa bà T1 thừa nhận có hợp đồng mua bán với bà Đ, thống nhất còn nợ bà Đ số tiền 64.295.000 đồng và đồng ý liên đới cùng ông T2 trả cho bà Đ số tiền này. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định bà T1 còn nợ bà Đ số tiền mua bán là 64.295.000 đồng. Mặc dù quá trình mua bán và Hóa đơn mua bán mà nguyên đơn cung cấp chỉ thể hiện tên ông T2 nhưng bà T1 có ký tên xác nhận nợ, đồng thời tại thời điểm mua bán thì bà T1 và ông T2 là vợ chồng và đang sống chung với nhau, việc mua thức ăn thủy sản và thuốc thú y để phục vụ việc chăn nuôi của gia đình nhằm tạo ra kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; chồng bà T1 là ông T2 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà T1 trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn là phù hợp. Do đó, bà

Trần Thị Đ yêu cầu bà Nguyễn Kim T1 và ông Võ Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đ số tiền 64.295.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về lãi suất, do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ – chủ hộ kinh doanh TK.

- Buộc bà Nguyễn Kim T1 và ông Võ Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Trần Thị Đ – chủ hộ kinh doanh TK số tiền 64.295.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Kim T1 và ông Võ Văn T2 phải chịu 3.214.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Trần Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.600.000 đồng theo biên lai số 0012636 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận

thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Phong